

Số: 41/2017/CV-TIE

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu
BCTC năm 2016 (Văn phòng) trước
và sau kiểm toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần TIE tại TP. Hồ Chí Minh năm 2016, các kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã có các bút toán điều chỉnh dẫn đến số liệu trong Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần TIE tại TP. Hồ Chí Minh sau kiểm toán chênh lệch so với số liệu chúng tôi đã gửi cho Quý Sở. Chúng tôi xin giải thích nguyên nhân của những chỉ tiêu có chênh lệch lớn trong Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần TIE tại TP. Hồ Chí Minh như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN | SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN | CHÊNH LỆCH | NGUYÊN NHÂN |
|--|-------|-------------------------|-----------------------|---------------|---|
| 1 Hàng tồn kho | 141 | 25.109.480.834 | 25.028.430.902 | (81.049.932) | Điều chỉnh giá vốn của hàng hóa |
| 2 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | (3.307.233.750) | (3.954.102.242) | (646.868.492) | Trích bổ sung dự phòng khoản đầu tư vào Công ty liên kết |
| 3 Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 22.433.230.656 | 22.700.208.751 | 266.978.095 | Bổ sung chênh lệch tỷ giá do cuối năm đánh giá lại công nợ phải trả có gốc ngoại tệ |
| 4 - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | 18.367.561.945 | 17.372.665.426 | (994.896.519) | Tổng ảnh hưởng thay đổi kết chuyển vào lợi nhuận |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN | SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN | CHÊNH LỆCH | NGUYÊN NHÂN |
|---------------------|-------|-------------------------|-----------------------|-------------|---|
| 1 Giá vốn hàng bán | 11 | 118.481.273.172 | 118.562.323.104 | 81.049.932 | Điều chỉnh giá vốn của hàng hóa |
| 2 Chi phí tài chính | 22 | 2.888.103.405 | 3.801.949.992 | 913.846.587 | Do trích bổ sung chi phí dự phòng khoản đầu tư vào Công ty liên kết và chi phí chênh lệch tỷ giá do cuối năm đánh giá lại công nợ phải trả có gốc ngoại tệ. |

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN | SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN | CHÊNH LỆCH | NGUYÊN NHÂN |
|--|-------|-------------------------|-----------------------|-----------------|--|
| 3 Chi phí khác | 32 | 4.431.134.009 | 877.330.589 | (3.553.803.420) | Do điều chỉnh chi phí thuế TNDN chuyển nhượng tài sản từ chi phí khác sang chi phí thuế TNDN hiện hành |
| 4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 1.977.498.672 | 5.531.302.092 | 3.553.803.420 | Do điều chỉnh chi phí thuế TNDN chuyển nhượng tài sản từ chi phí khác sang chi phí thuế TNDN hiện hành |
| 5 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 20.470.937.361 | 19.476.040.842 | (994.896.519) | Tổng ảnh hưởng thay đổi kết chuyển vào lợi nhuận |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN | SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN | CHÊNH LỆCH | NGUYÊN NHÂN |
|----------|-------|----------------------------|----------------------------|------------|-------------|
| | | Theo phương pháp trực tiếp | Theo phương pháp gián tiếp | | |

Giải trình bổ sung (nếu cần thiết): không có



Nguyễn Chí Dũng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Số: 42/2017/CV-TIE

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu

BCTC năm 2016 (Tổng hợp)

trước và sau kiểm toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2016, các kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã có các bút toán điều chỉnh dẫn đến số liệu trong Báo cáo tài chính tổng hợp sau kiểm toán chênh lệch so với số liệu chúng tôi đã gửi cho Quý Sở. Chúng tôi xin giải thích nguyên nhân của những chỉ tiêu có chênh lệch lớn trong Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN | SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN | CHÊNH LỆCH | NGUYÊN NHÂN |
|--|-------|-------------------------|-----------------------|---------------|---|
| 1 Hàng tồn kho | 141 | 27.109.780.056 | 27.028.730.124 | (81.049.932) | Điều chỉnh giá vốn của hàng hóa |
| 2 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | (3.307.233.750) | (3.954.102.242) | (646.868.492) | Trích bổ sung dự phòng khoản đầu tư vào Công ty liên kết |
| 3 Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 22.512.742.382 | 22.779.720.477 | 266.978.095 | Bổ sung chênh lệch tỷ giá do cuối năm đánh giá lại công nợ phải trả có gốc ngoại tệ |
| 4 - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | 18.367.561.945 | 17.372.665.426 | (994.896.519) | Tổng ảnh hưởng thay đổi kết chuyển vào lợi nhuận |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN | SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN | CHÊNH LỆCH | NGUYÊN NHÂN |
|---------------------|-------|-------------------------|-----------------------|-----------------|---|
| 1 Giá vốn hàng bán | 11 | 128.790.052.155 | 130.076.046.364 | 1.285.994.209 | Điều chỉnh chi phí dự phòng hàng tồn kho do sai tài khoản và điều chỉnh giá vốn của hàng hóa |
| 2 Chi phí tài chính | 22 | 2.888.103.405 | 3.801.949.992 | 913.846.587 | Do trích bổ sung chi phí dự phòng khoản đầu tư vào Công ty liên kết và chi phí chênh lệch tỷ giá do cuối năm đánh giá lại công nợ phải trả có gốc ngoại tệ. |
| Chi phí bán hàng | 25 | 25.868.495.027 | 24.663.550.750 | (1.204.944.277) | Điều chỉnh chi phí dự phòng hàng tồn kho do sai tài khoản |
| 3 Chi phí khác | 32 | 4.433.951.604 | 880.148.184 | (3.553.803.420) | Do điều chỉnh chi phí thuế TNDN chuyển nhượng tài sản từ chi phí khác sang chi phí thuế TNDN hiện hành |



| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN | SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN | CHÊNH LỆCH | NGUYÊN NHÂN |
|--|-------|-------------------------|-----------------------|---------------|--|
| 4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 1.977.498.672 | 5.531.302.092 | 3.553.803.420 | Do điều chỉnh chi phí thuế TNDN chuyển nhượng tài sản từ chi phí khác sang chi phí thuế TNDN hiện hành |
| 5 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 18.367.561.945 | 17.372.665.426 | (994.896.519) | Tổng ảnh hưởng thay đổi kết chuyển vào lợi nhuận |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN | SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN | CHÊNH LỆCH | NGUYÊN NHÂN |
|----------|-------|----------------------------|----------------------------|------------|-------------|
| | | Theo phương pháp trực tiếp | Theo phương pháp gián tiếp | | |

Giải trình bổ sung (nếu cần thiết): không có

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN
P. TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Chí Dũng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Đỗ Thị Kim Oanh



Số: 43/2017/CV-TIE

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu
BCTC năm 2016 (Hợp nhất)
trước và sau kiểm toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2017

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016, các kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã có các bút toán điều chỉnh dẫn đến số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán chênh lệch so với số liệu chúng tôi đã gửi cho Quý Sở. Chúng tôi xin giải thích nguyên nhân của những chỉ tiêu có chênh lệch lớn trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN | SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN | CHÊNH LỆCH | NGUYÊN NHÂN |
|---|-------|-------------------------|-----------------------|---------------|--|
| 1 Hàng tồn kho | 141 | 36.316.426.266 | 36.235.376.334 | (81.049.932) | Điều chỉnh giá vốn của hàng hóa (phát sinh từ chênh lệch BCTC tổng hợp) |
| 2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | 54.900.000.000 | 54.253.131.508 | (646.868.492) | Hủy trích dự phòng giảm giá công ty liên kết, chuyển sang ghi nhận khoản dự phòng này vào chỉ tiêu "Lãi, lỗ đầu tư vào công ty liên kết" |
| 3 Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 27.544.997.248 | 27.811.975.344 | 266.978.096 | Bổ sung chênh lệch tỷ giá do cuối năm đánh giá lại công nợ phải trả có gốc ngoại tệ |
| 4 - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | 8.437.902.323 | 7.443.005.798 | (994.896.525) | Tổng ảnh hưởng thay đổi kết chuyển vào lợi nhuận |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN | SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN | CHÊNH LỆCH | NGUYÊN NHÂN |
|---|-------|-------------------------|-----------------------|---------------|--|
| 1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 125.506.257.892 | 125.407.004.012 | (99.253.880) | Loại bỏ sung giao dịch nội bộ có phát sinh doanh thu & giá vốn nội bộ |
| 2 Giá vốn hàng bán | 11 | 135.055.122.323 | 136.912.366.534 | 1.857.244.211 | Loại bỏ sung giao dịch nội bộ có phát sinh doanh thu & giá vốn nội bộ |
| 3 Chi phí tài chính | 22 | 2.888.103.405 | 3.155.081.500 | 266.978.095 | Đánh giá lại CLTG phải trả người bán (phát sinh từ BCTC tổng hợp) |
| 4 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 24 | 0 | (646.868.492) | (646.868.492) | Hủy trích dự phòng giảm giá công ty liên kết, chuyển sang ghi nhận khoản dự phòng này vào chỉ tiêu "Lãi, lỗ đầu tư vào công ty liên kết" |

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN | SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN | CHÊNH LỆCH | NGUYÊN NHÂN |
|--|-------|-------------------------|-----------------------|-----------------|---|
| 5 Chi phí bán hàng | 25 | 26.731.833.519 | 24.907.109.669 | (1.824.723.850) | Điều chỉnh loại trừ bổ sung giao dịch nội bộ & ảnh hưởng các điều chỉnh từ BC tổng hợp |
| 6 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 21.749.362.838 | 21.228.392.767 | (520.970.071) | Điều chỉnh loại trừ bổ sung giao dịch nội bộ & ảnh hưởng các điều chỉnh từ BC tổng hợp |
| 7 Thu nhập khác | 31 | 79.056.455.123 | 78.301.467.110 | (754.988.013) | Loại trừ thêm thu nhập khác - chi phí khác từ giao dịch |
| 8 Chi phí khác | 32 | 7.878.381.147 | 4.039.835.482 | (3.838.545.665) | Chuyển trình bày khoản thuế TNDN từ chuyển nhượng BĐS năm 2015 phải chịu từ Chi phí khác sang Chi phí thuế TNDN hiện hành & loại trừ thêm thu nhập khác - chi phí khác từ giao dịch |
| 9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 1.977.498.672 | 5.531.302.092 | 3.553.803.420 | Chuyển trình bày khoản thuế TNDN từ chuyển nhượng BĐS năm 2015 phải chịu từ Chi phí khác sang Chi phí thuế TNDN hiện hành |
| 10 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 6.884.791.545 | 5.889.895.020 | (994.896.525) | Tổng ảnh hưởng thay đổi kết chuyển vào lợi nhuận |
| 11 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 61 | 8.437.902.323 | 7.443.005.798 | (994.896.525) | Tổng ảnh hưởng thay đổi kết chuyển vào lợi nhuận |
| 12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 882 | 544 | (337) | Ảnh hưởng bởi lợi nhuận thay đổi |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN | SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN | CHÊNH LỆCH | NGUYÊN NHÂN |
|----------|-------|----------------------------|----------------------------|------------|-------------|
| | | Theo phương pháp trực tiếp | Theo phương pháp gián tiếp | | |


Giải trình bổ sung (nếu cần thiết): không có



 NGƯỜI CHỨC VỤ CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN
 P. TỔNG GIÁM ĐỐC

 Nguyễn Chí Dũng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT


 Tổng Giám Đốc

 Đỗ Thị Kim Oanh